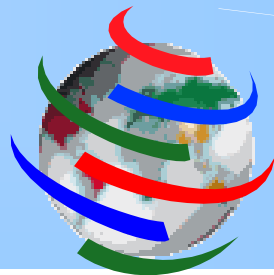


GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WORLD TRADE ORGANIZATION □ WTO)

Giảng Viên: TS. Từ Thuý Anh
Khoa Kinh tế Ngoại thương - ĐHNT

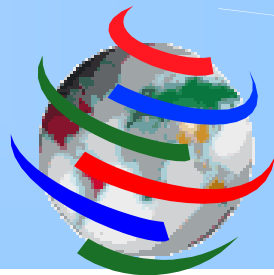
[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)



Bối cảnh lịch sử

World Trade Organization

- Thời vàng son của quốc tế hoá (1870-1914) bị thay thế bởi chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch thời kỳ giữa các cuộc chiến TG (1920-1939)
- Sự cần thiết phải tạo lập môi trường quốc tế mở hơn sau CTTG T2
 - Tránh những sai lầm của thời kỳ giữa các cuộc chiến
 - Thương mại quốc tế là thiết yếu để phục hồi sau chiến tranh (Kế hoạch Marshall chưa đủ để đạt được mục đích này)

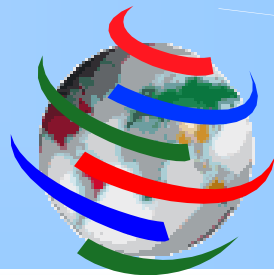


Bretton-Woods: Giải pháp

World Trade Organization

Bốn trụ cột của nền kinh tế thế giới

- — NHQT về tái thiết và phát triển (International Bank for Reconstruction and Development)
- — Quỹ tiền tệ quốc tế (International Monetary Fund)
- — Tổ chức thương mại quốc tế (International Trade Organization)
- — Quỹ bình ổn giá cả (*Price stabilization fund*)



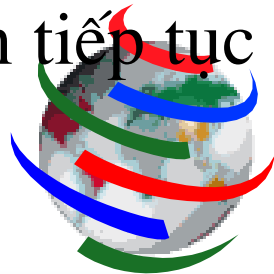
I. Quá trình hình thành WTO

World Trade Organization

1. Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch (General agreement on Tariff and Trade □ GATT)

1. Sự ra đời của GATT

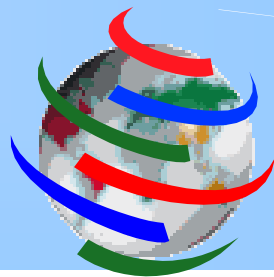
- GATT đ- ợc ký tại Geneva vào 30-10-1947 bởi 23 n- ớc và có hiệu lực chính thức từ ngày 1-1-1948
- ITO đ- ợc thành lập tại Havana (1948), ký kết bởi 53 thành viên
- Th- ị trường viện Mỹ không phê chuẩn ITO Charter.
- ITO sụp đổ vào năm 1950.
- Các vòng đàm phán trong khuôn khổ GATT vẫn tiếp tục hoạt động



Hoạt động của GATT

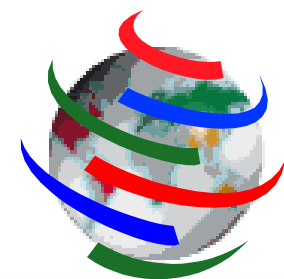
World Trade Organization

| Năm | Tên vòng đàm phán | Nội dung | Số n- ớc tham gia |
|-------|-------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1947 | Geneva | Thuế quan | 23 |
| 1949 | Annecy (Fr) | Thuế quan | 13 |
| 1951 | Torquay (UK) | Thuế quan | 38 |
| 1956 | Geneva | Thuế quan | 26 |
| 1960 | Geneva | Thuế quan | 26 |
| -1961 | (Dillion Round) | | |
| 1964 | Geneva | Thuế quan và các | 62 |
| -1967 | (Kennedy Round) | biện pháp chống bán phá giá (~35%). | |



World Trade Organization

| Năm | Tên vòng đàm phán | Nội dung | Số n- ớc tham gia |
|---------------|---------------------------|---|-------------------|
| 1973 -1979 | Geneva (Tokyo Round) | Thuế quan (~33%), phi thuế quan, các hiệp định khung | 102 |
| 1986 -1994 | Geneva (Uruguay Round) | Thuế quan (~33%), phi thuế quan, dịch vụ, sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp, nông nghiệp, hàng dệt may... | 123 |



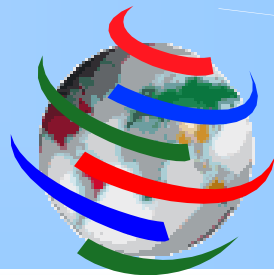
Mục đích của GATT

World Trade Organization

Tạo môi trường quốc tế an toàn và thúc đẩy quá trình tự do hoá thương mại trên thế giới

Thành công của GATT:

- + Cắt giảm thuế quan đối với hàng hoá nhập khẩu
- + góp phần đưa tới tỷ lệ tăng trưởng của thương mại quốc tế vượt quá tốc độ tăng trưởng của sản xuất trên thế giới

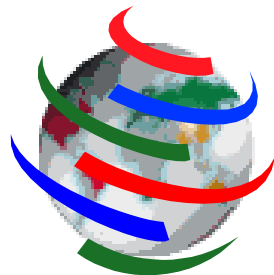


2. Sự ra đời của WTO □ b- ớccc phát triển về chất của GATT

World Trade Organization

- Nhiều hình thức bảo hộ mới xuất hiện
- Sự phát triển và mở rộng các hoạt động th- ơng mại gắn với đầu t- , dịch vụ, chuyển giao công nghệ
- Th- ơng mại hàng nông sản và hàng dệt may ch- a đ- ợc đề cập trong GATT
- Thể chế của GATT và hệ thống giải quyết tranh chấp cũng bị một số n- ớc thành viên chỉ trích

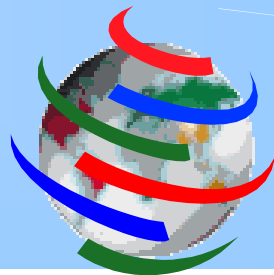
cuu duong than cong. com



Sự ra đời của WTO

World Trade Organization

- Tháng 12/1994, tại Vòng đàm phán Uruguay- Vòng đàm phán thứ 8 của GATT, các n- ớc tham gia GATT đã họp ở Marrakesh (Marốc), cùng nhau ký kết Hiệp định thành lập WTO và ngày 1-1-1995, WTO chính thức đ- ợc ra đời.
- WTO là sự kế thừa của GATT nh- ng chặt chẽ hơn về mặt tổ chức, ràng buộc nhiều hơn về nghĩa vụ và quyền lợi của các n- ớc thành viên, mở rộng hơn về phạm vi, mức độ và khối l- ợng th- ơng mại đ- ợc điều chỉnh.

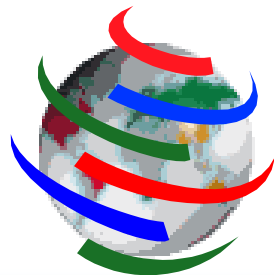


3. Mục tiêu của WTO:

World Trade Organization

- Tự do hoá mậu dịch, mở đ- ờng cho kinh tế và th- ơng mại phát triển
- Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống cho nhân dân của các n- ớc thành viên
- Bảo vệ môi tr- ờng và tăng c- ờng ph- ơng tiện làm việc đồng bộ, phù hợp với nhu cầu và sự quan tâm của các thành viên ở nhiều trình độ phát triển kinh tế khác nhau

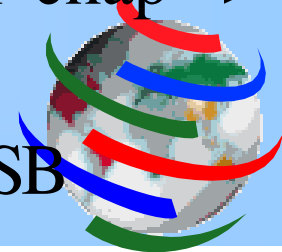
cuu duong than cong. com



4. Sự khác nhau giữa GATT và WTO

World Trade Organization

- GATT không phải là một tổ chức hoàn chỉnh. WTO là một tổ chức hoàn chỉnh, có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, có trụ sở chính, có t- cách pháp nhân
- Phạm vi điều chỉnh của WTO rộng hơn so với GATT
- Những quy định của WTO có tính ràng buộc hơn và chặt chẽ hơn GATT
- Hệ thống giải quyết tranh chấp của WTO nhanh hơn, tự động hơn, ít bị tắc nghẽn hơn sơ với hệ thống cũ của GATT.
 - + GATT cần đồng thuận trong giải quyết tranh chấp -> không có trả đũa
 - + WTO dựa vào Cơ quan giải quyết tranh chấp DSB



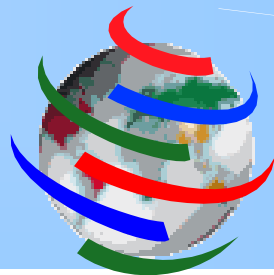
Tranh chấp trong khuôn khổ WTO 1995-5/2003

World Trade Organization

- 282 vụ đệ đơn lên DSB
- 64 vụ giải quyết thông qua hoà giải hoặc tự bãi đơn
- 133 vụ đang trong quá trình hoà giải hoặc giải quyết
- chỉ có 4 vụ DSB cho phép áp dụng các biện pháp trừng phạt

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com



Tranh chấp trong khuôn khổ WTO 1995-5/2003

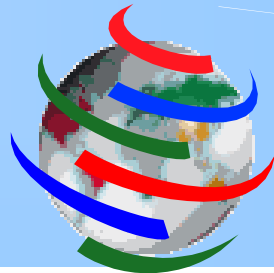
World Trade Organization

EU kiện về thuế có lợi cho ng- ời XK. Mức độ bồi th- ờng: USD 4,043 million. Thực hiện từ 3/ 2004.

Trợ cấp hàng không: Canada kiện Braxin. (CAD 344 mil). Ch- a thực hiện.

Chuối: Các n- ớc Mỹ Latin và Mỹ kiện châu âu về chính sách nhập khẩu của họ. (USD 393 mil). Sau đó lại đ- ợc đồng ý và đ- ợc rút lại

Hormones: Mỹ và Canada kiện EU về chính sách cấm nhập khẩu sản phẩm thịt có hormones. (USD 125 mil). Có hiệu lực, nh- ng lại đ- ợc xem xét lại do châu âu thay đổi chính sách vào cuối năm 2003.



5. Chức năng hoạt động của WTO

World Trade Organization

- Hỗ trợ và giám sát việc thực hiện các Hiệp định về th- ơng mại quốc tế
- Thúc đẩy tự do hoá th- ơng mại và là diễn đàn cho các cuộc đàm phán th- ơng mại
- Giải quyết tranh chấp th- ơng mại giữa các n- ớc thành viên
- Rà soát chính sách th- ơng mại của các n- ớc thành viên
- Hợp tác với các Tổ chức quốc tế khác nh- : Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới, ... nhằm đi đến đ- ộc sự thống nhất lớn hơn trong quá trình hoạch định chính sách toàn cầu



6. Cơ cấu tổ chức và Ban th- ký của WTO

World Trade Organization
Cơ cấu tổ chức

WTO là một tổ chức liên chính phủ

Hội nghị Bộ tr- ưởng: Cơ quan cao nhất của WTO, bao gồm đại diện của tất cả các n- ớc thành viên, họp ít nhất 2 năm một lần

Đại Hội đồng:

- Hoạt động đại diện cho Hội nghị Bộ tr- ưởng.
- Nhiệm vụ chính là giải quyết tranh chấp th- ơng mại giữa các n- ớc thành viên và rà soát các chính sách th- ơng mại của WTO.
- Họp nhiều lần trong một năm tại trụ sở chính của WTO ở Geneva



— Các Hội đồng chuyên ngành: Dưới ĐHĐ, bao gồm nh- :

World Trade Organization

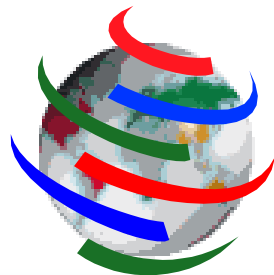
+ Hội đồng Thương mại hàng hoá

+ Hội đồng Thương mại dịch vụ

+ Hội đồng về các vấn đề Sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại

— Dưới các Hội đồng trên là một loạt các Ủy ban và cơ quan giúp việc khác, giám sát các vấn đề chuyên môn, và là nơi thảo luận các vấn đề nảy sinh khi thực hiện các Hiệp định của WTO

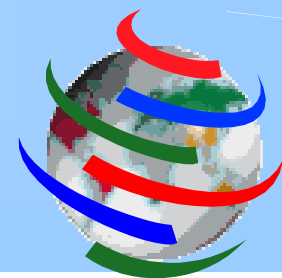
cuu duong than cong. com



Ban th- ký của WTO

World Trade Organization

- Ban th- ký của WTO đóng tại Geneva, Thụy Sĩ; Đứng đầu là Tổng Giám đốc
- Các hoạt động chính:
 - + Hỗ trợ các cơ quan của WTO trong việc đàm phán và thực hiện các Hiệp định th- ơng mại
 - + Hỗ trợ kỹ thuật cho các n- ớc đang phát triển và kém phát triển
 - + Thống kê và đ- a ra những phân tích về tình hình chính sách và triển vọng th- ơng mại thế giới



+ Hỗ trợ các quá trình giải quyết tranh chấp và rà soát chính sách thương mại

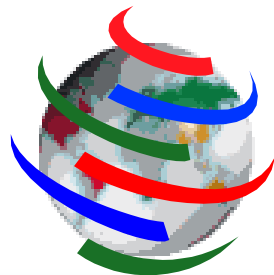
+ Tiếp xúc và hỗ trợ các thành viên mới trong quá trình đàm phán gia nhập

+ Thông tin, tuyên truyền về WTO

— Ngôn ngữ làm việc chính của WTO

+ WTO sử dụng 3 ngôn ngữ chính là: tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha.

+ Các văn kiện và tài liệu đều được dịch ra 3 thứ tiếng trên



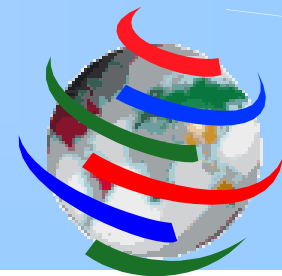
II. Thành viên của WTO

World Trade Organization

Tính đến hết năm 2004, WTO có 148 thành viên chính thức và khoảng 30 quan sát viên

4 nhóm thành viên

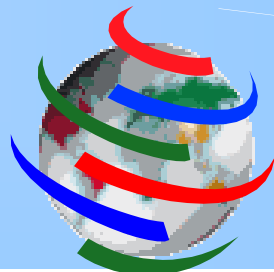
- **Kém phát triển:** Căn cứ theo tiêu chuẩn phân loại của LHQ, hiện nay WTO có khoảng 50 n-ớc thành viên thuộc nhóm này.
- **Có nền kinh tế chuyển đổi:** Là các n-ớc tr-ớc đây có nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung nay chuyển sang cơ chế thị tr-ờng
- **Đang phát triển:** Không có một định nghĩa thống nhất về việc n-ớc nào đ-ợc coi là đang phát triển mà chủ yếu là do mỗi n-ớc tự nhận
- **Phát triển:** Các thành viên còn lại ngoài 3 nhóm trên, hầu hết là các n-ớc thành viên của OECD



III. Các nguyên tắc cơ bản của WTO

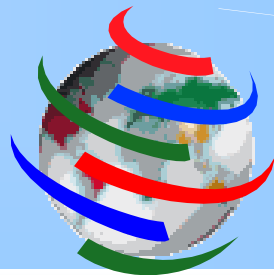
Nguyên tắc 1: *Không phân biệt đối xử* (*Non-discrimination*)

- Nguyên tắc Tối huệ quốc (Most Favored Nation)
- Nguyên tắc Đãi ngộ quốc gia (National Treatment)



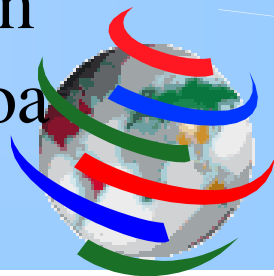
Nguyên tắc 2: Tự do hoá mậu dịch

- **Cắt giảm dần hàng rào thuế quan và phi thuế quan, để đến một lúc nào đó trong t- ơng lai những trở ngại này đ- ợc xóa bỏ hoàn toàn, mở đ- ờng cho th- ơng mại phát triển.**
- **Mức độ cắt giảm các hàng rào bảo hộ đ- ợc thoả thuận thông qua các cuộc đàm phán song ph- ơng hoặc đa ph- ơng**



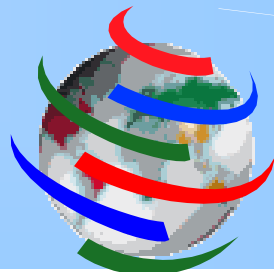
Nguyên tắc 3: Chỉ đ- ợc phép bảo hộ sản xuất trong n- ớc bằng thuế quan, không cho phép sử dụng các hạn chế định l- ợng.

- Để bảo đảm **tính minh bạch** mở cửa thị tr- ờng của n- ớc đó
- Thông qua đàm phán và lịch trình cắt giảm thuế quan, dễ dàng hơn trong việc **dự đoán** mức độ bảo hộ và dự đoán chính sách
- **Hạn chế định l- ợng** vì đây th- ờng là những biện pháp mang tính võ đoán, ít dựa trên các căn cứ khoa học, chủ yếu nhằm bảo hộ



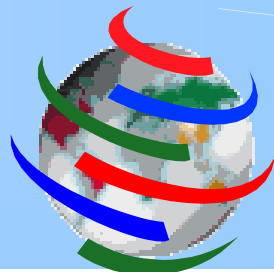
□ *Thuế hoá* □ :

- Là sự **l- ợng hoá** tác dụng bảo hộ của các biện pháp phi thuế quan. [cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)
- Từ này dùng để chỉ việc các n- ớc thành viên của WTO đ- ợc phép **nâng thuế suất thuế quan** lên để bù lại việc từ bỏ bảo hộ bằng các biện pháp phi thuế quan.



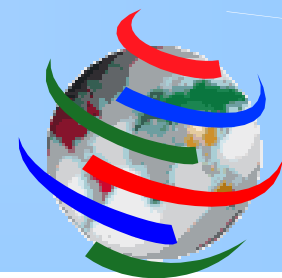
Nguyên tắc 4: *Thiết lập một cơ sở ổn định cho hoạt động thương mại quốc tế*

- Các n- ớc thành viên phải thông qua đàm phán, đ- a ra **thuế suất ràng buộc và thuế suất trần** với lịch trình cắt giảm, chỉ có giảm liên tục mà không đ- ợc tăng quá mức trần đã cam kết



World Trade Organization

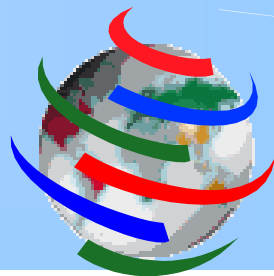
- **Thuế quan ràng buộc:** thuế suất đ- ợc ghi trong danh mục - u đãi (Danh mục thuế quan): chỉ có giảm mà không đ- ợc tăng trở lại quá mức ràng buộc đó
- **Thuế suất trần:** một sự nới rộng của thuế suất ràng buộc.
- Ví dụ: đối với một mặt hàng nào đó, thuế suất ràng buộc: 10%, thuế suất trần: 15%:
 - + thuế suất có thể giữ nguyên, tiếp tục giảm hoặc tăng trở lại quá 10% , nh- ng không quá 15%.



Nguyên tắc 5: Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho th-ơng mại giữa các n-ớc thành viên

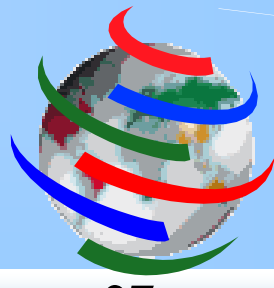
WTO có những quy định chặt chẽ

- nhằm giải quyết các tình trạng cạnh tranh không lành mạnh nh- **bán phá giá, trợ cấp sản xuất** trong n- ớc
- **bằng cách nào?** cho phép tất cả các bên ký kết có quyền đánh **thuế chống bán phá giá, đánh thuế đối kháng chống trợ cấp**



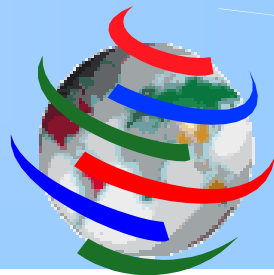
World Trade Organization Nguyên tắc 6: *Quyền đ- ợc tự v- ệ trong th- ơng mại*

- Một n- ớc có thể **hạn chế nhập khẩu** trong những tr- ờng hợp khẩn cấp
- **khi l- ợng hàng hoá nhập khẩu tăng đột biến do việc giảm thuế quan**
- đe doạ hoặc gây ra tổn hại nghiêm trọng đối với sản xuất trong n- ớc.
- Các công cụ để tự v- ệ:
 - Thuế quan
 - Các biện pháp hạn chế định l- ợng



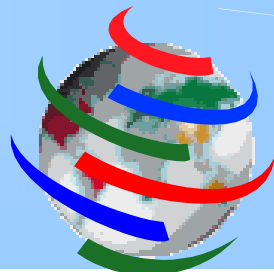
Nguyên tắc 7: *Những ưu đãi đặc biệt dành cho các nước đang phát triển, chậm phát triển và các nền kinh tế chuyển đổi.*

Th- ờng mang tính **giảm nhẹ** hơn so với những nghĩa vụ, cam kết chung mà WTO đề ra



V. WTO và Việt Nam

- 1. Tiến trình gia nhập của Việt Nam**
- 2. Những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam khi là thành viên của WTO**



Tiến trình gia nhập của Việt Nam

World Trade Organization

— Chính thức nộp đơn gia nhập: tháng 1 năm 1995

— 31-1-1995, Ban Công tác (*Working Party*) của WTO về việc gia nhập của Việt Nam đ- ợc thành lập.

— Tháng 9 năm 1996, hoàn thành “*Bị vong lục về Chế độ ngoại th- ơng Việt Nam*□ (*memorandum*), gửi tới BTK

— Nội dung

+ giới thiệu **tổng quan về nền kinh tế** của Việt Nam,

+ các **chính sách kinh tế vĩ mô**, cơ sở hoạch định và thực thi chính sách đó,

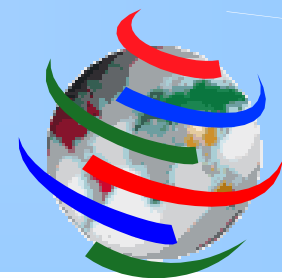
+ các thông tin chi tiết về các **chính sách liên quan tới th- ơng mại hàng hoá, dịch vụ và quyền sở hữu trí tuệ** của Việt Nam.



Tiến trình gia nhập của Việt Nam

World Trade Organization

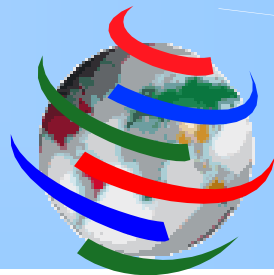
- Đàm phán về việc gia nhập WTO từ tháng 7 năm 1998
- Đến nay, Việt Nam đã trải qua **9 phiên họp với Ban Công tác của WTO** về việc gia nhập của Việt Nam và đàm phán song ph- ơng với nhiều thành viên của WTO.
- Hai kênh đàm phán:
 - + **Đàm phán đa ph- ơng**: đàm phán về việc tuân thủ các **Hiệp định WTO** của n- ớc xin gia nhập
 - + **Đàm phán song ph- ơng**: đàm phán về việc mở cửa thị tr- ờng hàng hoá và dịch vụ



Đàm phán đa ph- ơng

Nhằm minh bạch hoá chính sách của Việt Nam, điều chỉnh chế độ chính sách của Việt Nam cho phù hợp, t- ơng thích với các quy định của WTO

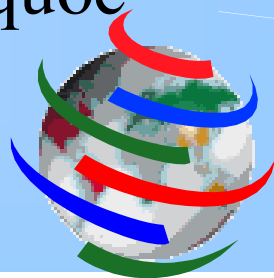
- Phiên 1: 7/1998.
- Phiên 2: 12/1998.
- Phiên 3: 7/1999.
- Phiên 4: 11/2000
- Phiên 5: 4/2002
- Phiên 6: 5/2003
- Phiên 7: 12/ 2003
- Phiên 8: 6/2004
- Phiên 9: 12 / 2004



Một số cam kết cơ bản của Việt nam trong các cuộc đàm phán đa ph- ơng

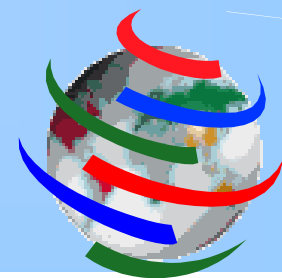
World Trade Organization

- Sẽ tuân thủ toàn bộ các quy định trong các Hiệp định quan trọng của WTO về th- ơng mại hàng hoá
- Xoá bỏ hạn ngạch nhập khẩu
- Việc sử dụng giấy phép chuyên ngành sẽ không tạo ra rào cản bất hợp lý nhằm hạn chế nhập khẩu.
- Việt Nam sẽ đ- a ra nhiều ch- ơng trình hành động chi tiết để thực hiện các Hiệp định trên
- Tuân thủ nghiêm túc Nguyên tắc Tối huệ quốc (MFN)



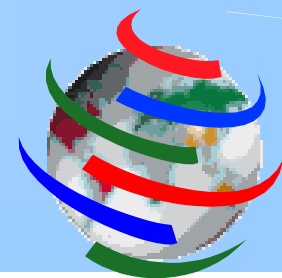
World Trade Organization

- Tuân thủ nguyên tắc NT trong một số lĩnh vực nh- :
 - + Không phân biệt đối xử giữa hàng hoá sản xuất trong n- ớc và hàng hoá nhập khẩu, trừ một số tr- ờng hợp đặc biệt;
 - + Sẽ có lộ trình xoá bỏ sự phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp n- ớc ngoài và doanh nghiệp Việt nam trong vấn đề kinh doanh xuất nhập khẩu.
- Xoá bỏ trợ cấp xuất khẩu nông sản kể từ khi gia nhập và đ- a ra lộ trình xoá bỏ trợ cấp các sản phẩm phi nông nghiệp.
- Xoá bỏ chế độ 2 giá vào năm 2005.



World Trade Organization

- Sau khi nghiên cứu “Bị vong lục về Chế độ ngoại thương của Việt nam”, nhiều thành viên đã đặt các câu hỏi và yêu cầu Việt nam trả lời để hiểu rõ chính sách, bộ máy quản lý, thực thi chính sách của Việt nam.
- Việt Nam đã trả lời hơn 2000 câu hỏi của các thành viên
- Trên cơ sở những câu trả lời và tài liệu do phía Việt nam cung cấp, Ban thư ký của WTO đã đưa ra *Bản tổng hợp về hiện trạng chính sách thương mại của Việt nam*.



World Trade Organization

- Nội dung chủ yếu trong 3 phiên họp 5,6,7 của Việt Nam với Ban công tác là để làm rõ *Bản tổng hợp về chính sách thương mại của Việt Nam*.
- Có thể nói, kết thúc Phiên thứ 7 (12/2003), về cơ bản Việt Nam đã hoàn thành giai đoạn minh bạch hoá chính sách.
- Tại Phiên thứ 8, Ban th- ký WTO đã xây dựng tài liệu *Những nội dung cơ bản của Dự thảo Báo cáo gia nhập của Việt Nam*.
- Đến Phiên thứ 9, Việt Nam đã bắt đầu đàm phán *Dự thảo Báo cáo gia nhập*. Đây cũng là giai đoạn cuối của quá trình đàm phán đa ph- ơng.



Đàm phán song ph- ơng

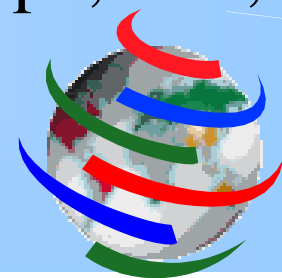
World Trade Organization

- đàm phán về việc **mở cửa thị tr- ờng** hàng hoá và dịch vụ
- Để tiến hành đàm phán song ph- ơng, tr- ớc hết, Việt Nam sẽ đ- a ra những *Bản chào đầu về mở cửa thị tr- ờng hàng hoá và dịch vụ* để thăm dò phản ứng của các thành viên khác.
- Đầu năm 2002, Việt Nam đã gửi Bản chào đầu về thuế quan và Bản chào đầu về dịch vụ tới WTO.
- Bắt đầu từ Phiên họp thứ 5 của Ban công tác (4/2002), Việt Nam đã tiến hành đàm phán song ph- ơng với một số thành viên của Ban Công tác.



World Trade Organization

- Cho tới nay, đã có 28 đối tác yêu cầu đàm phán song phương với Việt Nam về việc mở cửa thị trường hàng hoá và dịch vụ.
- Đó là: Argentina, Úc, Brazil, Hungary, Canada, Cuba, Chile, Đài Loan, EU, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Kyrgyzia, Na Uy, Nhật Bản, Paraguay, Singapore, Thụy Sĩ, Trung Quốc, Uruguay, Ấn Độ, Colombia, Honduras, Dominica, El Salvador, Ai-xơ-len, Mexico, Mỹ
- Trong số này Việt Nam đã kết thúc đàm phán với 8 đối tác là: Argentina, Brazil, Cuba, Chile, Singapore, EU, Uruguay, Hàn Quốc.

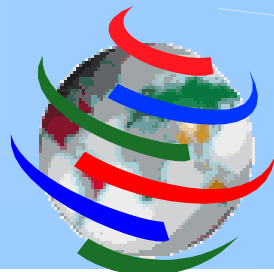


Những yêu cầu chính của các đối tác trong các cuộc đàm phán song phương

World Trade Organization

— Về thuế nhập khẩu:

- + Giảm mạnh thuế nhập khẩu
- + Cam kết mức thuế trần cho toàn bộ biểu thuế
- + Một số đối tác còn yêu cầu Việt nam đàm phán từ mức thuế hiện hành trở xuống



Về Hạn ngạch thuế quan

World Trade Organization

- Hạn ngạch thuế quan là một biện pháp quản lý nhập khẩu mà nhiều n- ớc thành viên của WTO vẫn sử dụng và không vi phạm quy định của WTO.
- Việt Nam cũng đề nghị áp dụng biện pháp này đối với một số mặt hàng,
- tuy nhiên do từ tr- ớc đến nay, chúng không áp dụng biện pháp này để quản lý nhập khẩu, cho nên quá trình đàm phán về việc sử dụng biện pháp này diễn ra khá khó khăn.
- Sau Phiên thứ 9, Việt Nam chỉ còn bảo l- u áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với một số ít mặt hàng nh- : d- ồng, lá thuốc lá, muối, trứng gia cầm.



Về dịch vụ

- Hầu hết các đối tác đều yêu cầu Việt nam lấy lộ trình Hiệp định th- ơng mại Việt Mỹ (BTA) làm khởi điểm đàm phán.
- Theo phân loại của WTO, thì Việt Nam đ- ợc yêu cầu mở cửa toàn bộ 11 ngành dịch vụ (nếu tính theo phân ngành thì là 120).
- Các ngành dịch vụ quan trọng nh- **viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải, phân phối** đều đ- ợc các đối tác yêu cầu thực hiện tự do hoá rất cao, nh-
 - + cho phép các doanh nghiệp 100% vốn n- ớc ngoài hoạt động cạnh tranh bình đẳng trên thị tr- ờng Việt nam,
 - + loại bỏ hạn chế về phạm vi kinh doanh và đối t- ượng đ- ợc nhận dịch vụ...



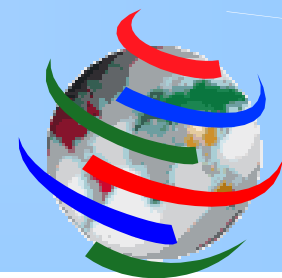
Đàm phán song ph- ơng diễn ra rất phức tạp.

World Trade Organization

— Chặng hạn nh- Hoa kỳ:

- + yêu cầu cắt giảm tới 9418 dòng thuế (chiếm 99% toàn bộ biểu thuế xuất nhập khẩu của ta) với mức thuế suất bình quân rất thấp là 9%.
- + Đối với dịch vụ, Hoa Kỳ còn đòi Việt Nam phải mở cửa mạnh nhiều ngành dịch vụ nhạy cảm mà ta không muốn...

cuu duong than cong. com

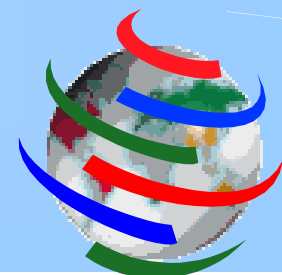


Đàm phán song ph- ơng diễn ra rất phức tạp.

World Trade Organization

- Hay Trung quốc cũng có những yêu cầu rất cao:
 - + đòi Việt Nam phải giảm thuế mạnh đối với một số mặt hàng nhạy cảm của Việt nam nh- : ô tô, xe máy, sắt thép....
 - + Đối với dịch vụ, Trung quốc đề nghị Việt nam cho phép phân phối đông d- ợc, đ- ợc thăm dò và khai thác dầu khí...

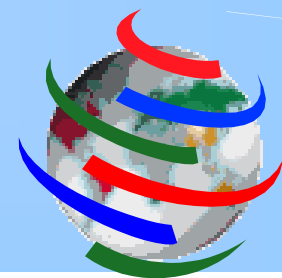
cuu duong than cong. com



B- ớc cuối cùng...

World Trade Organization

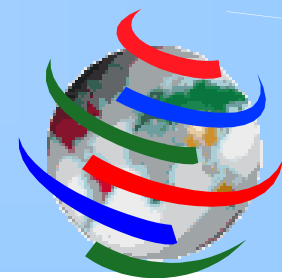
- Quá trình đàm phán gia nhập WTO của Việt Nam sẽ kết thúc khi mà kết quả của các cuộc đàm phán thoả mãn mọi thành viên của WTO.
- Dựa trên những thoả thuận đã đạt đ- ợc tại cuộc đàm phán đa ph- ơng và song ph- ơng, Việt Nam sẽ hoàn thành Nghị định th- gia nhập (Protocol of Accession), trong đó nêu rõ các nghĩa vụ của Việt nam khi trở thành thành viên WTO.



Quyết định

World Trade Organization

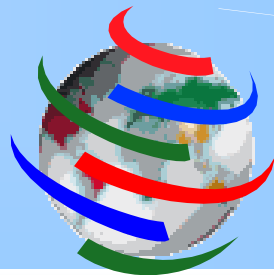
- Tiến hành bỏ phiếu tại Đại Hội đồng hoặc Hội nghị Bộ tr-ởng
- Cần đa số (2/3) để đ-ợc thông qua
- 30 ngày sau khi Chủ tịch n-ớc hoặc Quốc hội Việt Nam phê chuẩn Nghị định th-, Việt Nam sẽ chính thức trở thành thành viên của WTO.



Những cơ hội đối với Việt Nam

World Trade Organization

- *Nâng cao uy tín của Việt Nam trên trờng quốc tế, củng cố lòng tin của các nhà đầu t- trong n- ớc và quốc tế đối với Việt Nam*
- *Mở rộng thị tr- ờng xuất khẩu*
- *Tạo sức ép vờn lên nâng cao khả năng cạnh tranh*
- *Bảo vệ đợc lợi ích quốc gia khi có tranh chấp xảy ra*
- *Cơ hội về việc đào tạo nguồn nhân l- c và tham gia vào các chương trình hợp tác về khoa học công nghệ của WTO*



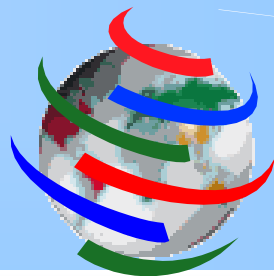
Những thách thức đối với Việt Nam

World Trade Organization

— *Trình độ phát triển thấp, năng lực cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế còn yếu kém*

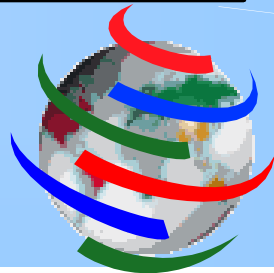
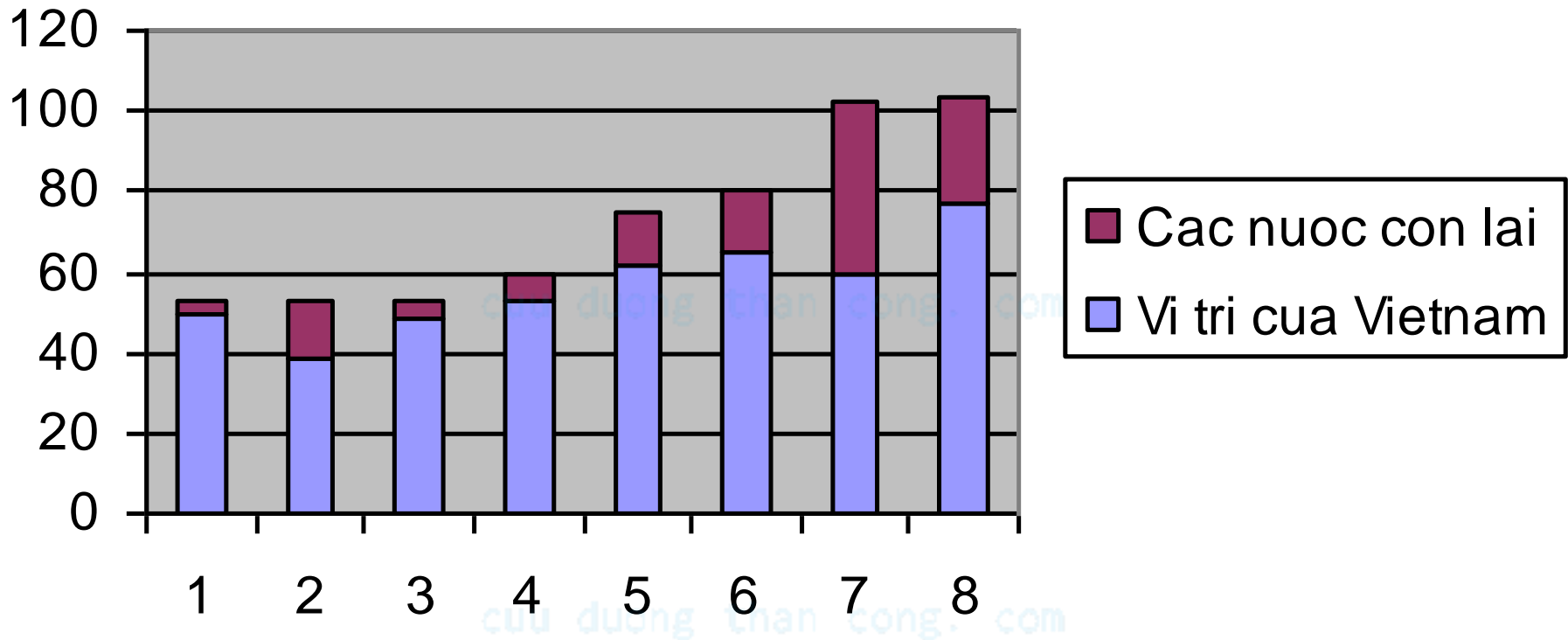
Theo danh sách xếp hạng của Diễn đàn kinh tế thế giới (World Economic Forum) về năng lực cạnh tranh ,

- > Năm 1997, Việt Nam xếp hạng 49/53 ,
- > Năm 1998, 39/53, (Khủng hoảng kinh tế châu Á!-!)
- > Năm 1999: 48/53,
- > Năm 2000: 53/59,
- > Năm 2001: 62/75,
- > Năm 2002: 65/80
- > Năm 2003: 60/102
- > Năm 2004: 77/104



Xếp hạng năng lực cạnh tranh từ 1997-2004

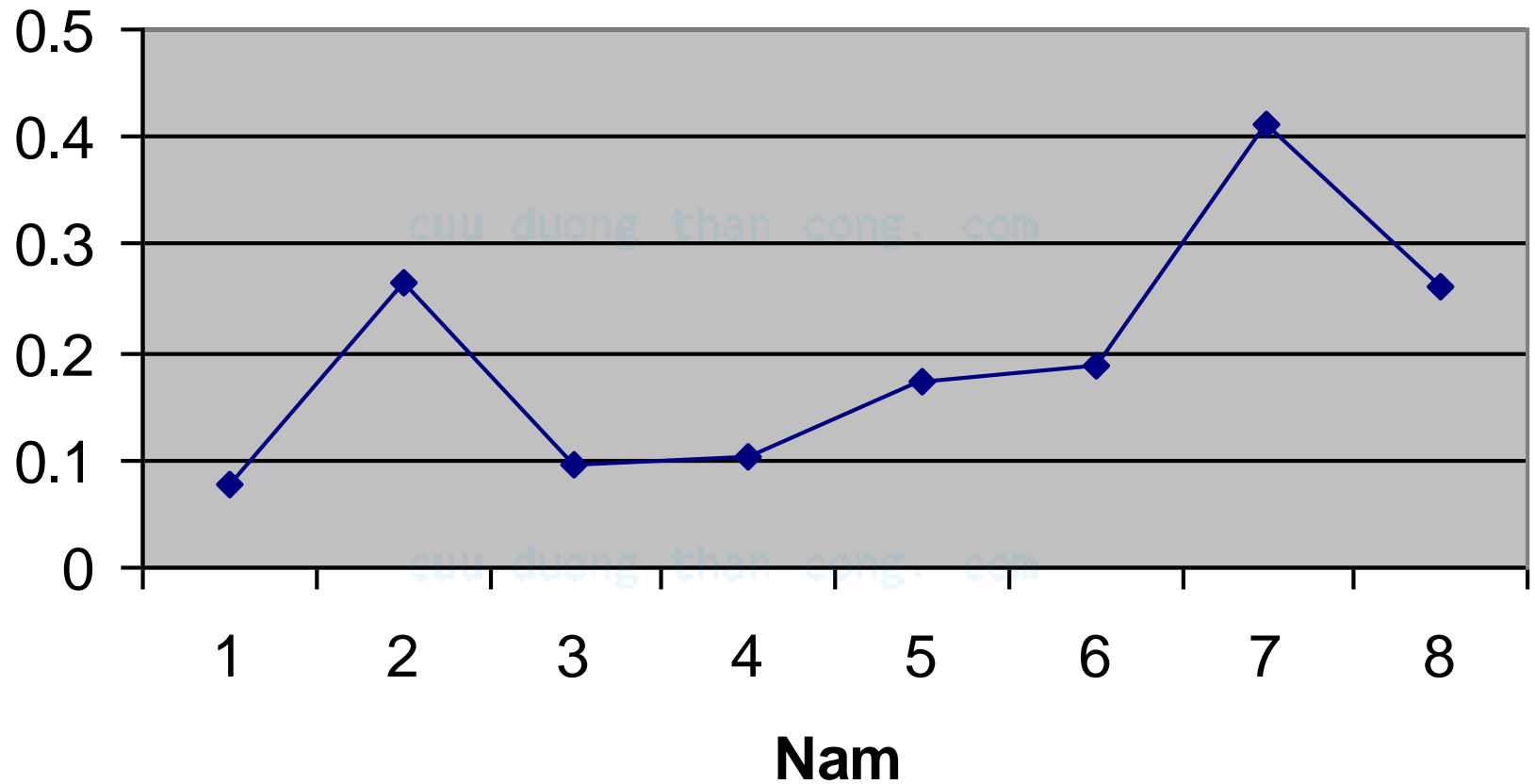
World Trade Organization



Thứ hạng t- ơng đối

World Trade Organization

Thu hàng tương đối



Những thách thức đối với Việt Nam (tiếp)

World Trade Organization

- Nguồn **thu ngân sách** từ thuế quan giảm
- Thách thức trong việc **điều chỉnh, bổ sung chính sách, luật pháp** của Việt Nam cho phù hợp với quy định của WTO
- Thách thức về các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp nhà nước và **cải cách doanh nghiệp nhà nước**
- Thách thức về nguồn **nhân lực, về hiệu lực, hiệu quả quản lý nền kinh tế** của Việt Nam

